ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ THỰC HIỆN MỤC TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ CỦA VIỆT NAM NĂM 2025 VÀ KHUYẾN NGHỊ THỜI GIAN TỚI

©2026 Tạp chí Khoa học Intracom
Số 3(3) tháng 8-2026
p-ISSN 3126-2708
https://intracomuni.edu.vn/

Monetary Policy Management for Vietnam's 2025 Macroeconomic Goals and Recommendations for the Coming Period

Nguyễn Đắc Hưng*

Ngày nhận bài: 05/02/2026, ngày gửi phản biện: 17/4/2026, ngày duyệt đăng: 10/7/2026

Tóm tắt

Năm 2025, điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước nhiều biến động phức tạp, nhưng vẫn duy trì được sự ổn định tương đối về tỷ giá, lãi suất, tín dụng và lạm phát. Nghiên cứu này phân tích các nhân tố quốc tế và kinh tế vĩ mô trong nước tác động đến quá trình điều hành chính sách tiền tệ và vận hành hệ thống ngân hàng. Kết quả cho thấy Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chính sách tiền tệ theo hướng chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa, góp phần kiểm soát lạm phát bình quân dưới 4%, duy trì tăng trưởng tín dụng khoảng 19% và nâng dự trữ ngoại hối lên trên 100 tỷ USD. Các ngân hàng thương mại tiếp tục củng cố an toàn vốn, đẩy mạnh xử lý nợ xấu, thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển tín dụng xanh. Bên cạnh các kết quả tích cực, hệ thống tài chính vẫn đối mặt với nhiều thách thức nội tại và rủi ro bên ngoài. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị chính sách cho năm 2026.

Từ khóa

Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước, hoạt động ngân hàng, kinh tế vĩ mô.

Abstract

In 2025, Vietnam's monetary policy and banking operations took place amidst complex and volatile global and domestic economic conditions, yet maintained relative stability in exchange rates, interest rates, credit, and inflation. This study analyzes international and domestic macroeconomic factors impacting monetary policy management and banking system operations. The results show that the State Bank of Vietnam proactively and flexibly managed monetary policy, closely coordinating with fiscal policy, contributing to controlling average inflation below 4%, maintaining credit growth at approximately 19%,

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Đông Đô; nguyên Phó Tổng Biên tập Tạp chí Ngân hàng; Email: ndhungsbv@gmail.com; ORCID: https://orcid.org/0000-0002-9599-7653

and increasing foreign exchange reserves to over US$100 billion. Commercial banks continued to strengthen capital adequacy, accelerate the resolution of non-performing loans, promote digital transformation, and develop green credit. Alongside these positive results, the financial system still faces many internal challenges and external risks. Based on that, the study makes several policy recommendations for 2026.

Keywords

Monetary policy, State Bank of Vietnam, banking operations, macroeconomics.

1. Đặt vấn đề

Chính sách tiền tệ có vai trò then chốt trong việc duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng bền vững. Năm 2025, môi trường kinh tế quốc tế ghi nhận xu hướng chuyển từ thắt chặt sang nới lỏng tiền tệ, trong khi kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm và giá hàng hóa thế giới giảm. Những diễn biến này tác động rõ rệt đến các nền kinh tế mới nổi, trong đó có Việt Nam. Trong nước, nền kinh tế phục hồi tích cực nhưng vẫn chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu và sức cầu tiêu dùng chưa thật sự mạnh. Yêu cầu duy trì tăng trưởng, kiểm soát lạm phát, ổn định tỷ giá và bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng đặt ra nhiệm vụ điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, đồng bộ với chính sách tài khóa và giám sát tài chính.

Bài nghiên cứu nhằm phân tích toàn diện thực trạng điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng Việt Nam năm 2025, làm rõ các kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại và đề xuất định hướng chính sách cho năm 2026. Trọng tâm nghiên cứu tập trung vào điều hành lãi suất, tín dụng, tỷ giá, xử lý nợ xấu, quản lý ngoại hối và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý hoạt động ngân hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số. Trên cơ sở đó bài viết đưa ra một số khuyến nghị góp phần điều hành có hiệu quả hơn nữa chính sách tiền tệ, thực hiện mục tiêu kinh tế vĩ mô thời gian tới.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp - phân tích kết hợp định tính và định lượng. Dữ liệu được khai thác từ báo cáo chính thức của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam, Bộ Tài chính, IMF, World Bank và các nguồn thông tin tài chính quốc tế. Phương pháp so sánh, diễn giải và phân tích xu hướng được áp dụng để đánh giá tác động của bối cảnh kinh tế đến điều hành chính sách tiền tệ, đồng thời làm cơ sở cho các khuyến nghị chính sách phù hợp với mục tiêu ổn định vĩ mô và phát triển bền vững.

2. Thực trạng điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng ở Việt Nam năm 2025

2.1. Diễn biến tài chính quốc tế và tác động đến điều hành chính sách tiền tệ Việt Nam

Năm 2025, kinh tế toàn cầu chứng kiến những biến động đan xen giữa phục hồi và bất định. Theo Báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới (WEO) tháng 10/2025 của IMF, tăng trưởng toàn cầu dự kiến đạt 3,2%, phản ánh xu hướng ổn định nhưng còn chịu rủi ro từ căng thẳng địa chính trị, thương mại và chuỗi cung ứng (IMF, 2025).

Ngày 30/10/2025, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) chính thức giảm lãi suất 0,25%, đưa biên độ xuống 3,75 - 4,00%, đánh dấu bước ngoặt trong chu kỳ tiền tệ kể từ năm 2022 nhằm hỗ trợ tăng trưởng khi lạm phát Mỹ hạ nhiệt và hoạt động sản xuất, tiêu dùng có dấu hiệu chững lại. Tiếp đó, ngày 17/12/2025, FED tiếp tục ban hành quyết định cắt giảm lãi suất thêm 0,25 điểm phần trăm, đưa biên độ điều hành về 3,50 - 3,75% trong bối cảnh thị trường lao động suy yếu và triển vọng tăng trưởng kinh tế kém tích cực. Ngay sau quyết định tháng 10, chỉ số USD Index giảm từ 106 xuống quanh 103 điểm, trong khi các chỉ số chứng khoán như S&P 500 và Dow Jones tăng hơn 1,2%, phản ánh kỳ vọng chi phí vốn thấp hơn sẽ hỗ trợ lợi nhuận doanh nghiệp (Federal Reserve, 2025).

Tuy nhiên, chính sách thuế quan mới của Mỹ đối với hàng hóa công nghệ và kim loại Trung Quốc tiếp tục làm leo thang căng thẳng thương mại, gia tăng bất định chuỗi cung ứng. Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm, khi GDP quý III/2025 chỉ đạt 4,3%, kéo giảm cầu nhập khẩu và ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam.

Trên thị trường hàng hóa, giá dầu Brent dao động quanh 68 USD/thùng, thấp hơn cùng kỳ 2024, giúp giảm áp lực lạm phát toàn cầu. Tuy nhiên, rủi ro địa chính trị Trung Đông vẫn có thể làm giá đảo chiều. Trong khi đó, giá Bitcoin dao động rất bất thường, có thời điểm lên trên 100.000 USD sau đó giảm mạnh, bình quân trong năm 2025 duy trì quanh 63.000 USD, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư quốc tế (IMF, 2025).

Đối với Việt Nam, môi trường lãi suất toàn cầu giảm giúp giảm áp lực tỷ giá và chi phí trả nợ ngoại tệ, đồng thời hỗ trợ dòng vốn đầu tư vào thị trường mới nổi. Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vẫn cần điều hành thận trọng để cân bằng giữa ổn định tỷ giá - kiểm soát lạm phát - hỗ trợ tăng trưởng, đồng thời theo dõi rủi ro dòng vốn ngắn hạn và nợ xấu tiềm ẩn. Ngành ngân hàng Việt Nam được khuyến nghị tăng cường quản trị thanh khoản, phòng ngừa rủi ro tỷ giá, và ưu tiên tín dụng cho lĩnh vực xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ và chuỗi cung ứng để tận dụng giai đoạn nới lỏng quốc tế.

2.2. Diễn biến kinh tế vĩ mô và các yếu tố trong nước

Kinh tế Việt Nam năm 2025 phục hồi khá vững chắc, song vẫn đối mặt với nhiều thách thức nội tại và biến động từ môi trường kinh tế toàn cầu. Theo Cục Thống kê, GDP cả năm 2025 ước tăng 8,02%, trong đó khu vực dịch vụ và công nghiệp - xây dựng tiếp tục đóng vai trò động lực chính, phản ánh sự cải thiện rõ nét của hoạt động sản xuất và tiêu dùng. Mức tăng này vượt dự báo đầu năm nhưng vẫn chịu sức ép từ đầu tư tư nhân phục hồi chưa đồng đều và nhu cầu thế giới tăng chậm, ảnh hưởng đến xuất khẩu một số ngành chủ lực (Cục Thống kê, 2025).

Lạm phát (CPI) bình quân năm 2025 tăng khoảng 3,31%, nằm trong ngưỡng kiểm soát (mục tiêu dưới 4,5%) song chịu áp lực từ giá thực phẩm, xăng dầu và chi phí logistics. Tỷ giá USD/VND có biến động trong nửa đầu năm nhưng dần ổn định nhờ dự trữ ngoại hối được củng cố và điều hành linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước. Cán cân thương mại tiếp tục duy trì thặng dư đạt trên 20 tỷ USD, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt trên 930 tỷ USD, tăng mạnh so với năm 2024 (Cục Thống kê, 2025).

Tuy nhiên, giải ngân vốn đầu tư công vẫn là điểm nghẽn đáng chú ý khi tiến độ thực hiện chưa đạt kỳ vọng, ảnh hưởng tới lan tỏa tăng trưởng. Bên cạnh đó, thiên tai và bão lũ tại một số khu vực miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long gây gián đoạn sản xuất nông - lâm - thủy sản, làm gia tăng chi phí khắc phục hạ tầng và tạo áp lực lên chất lượng tín dụng của hệ thống ngân hàng (Cục Thống kê, 2025).

Ở chiều khác, giá vàng trong nước tăng mạnh so với cùng kỳ phản ánh tâm lý phòng thủ và nhu cầu trú ẩn tài sản. Ngược lại, du lịch quốc tế phục hồi ấn tượng với lượng khách đạt mức cao kỷ lục, đóng góp tích cực cho khu vực dịch vụ và tiêu dùng trong nước (Cục Thống kê, 2025).

Trước bối cảnh này, chính sách tiền tệ năm 2025 tiếp tục được điều hành theo hướng linh hoạt, thận trọng và phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa, nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng hợp lý. Hệ thống ngân hàng cần tăng cường quản trị thanh khoản, dự báo rủi ro tỷ giá, đồng thời định hướng tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên có khả năng lan tỏa cao để thúc đẩy phục hồi kinh tế bền vững.

2.3. Điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2025

Năm 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ theo hướng chủ động, linh hoạt và thận trọng, nhằm duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng bền vững. Mục tiêu xuyên suốt là điều hành đồng bộ giữa lãi suất, tỷ giá, tín dụng và nghiệp vụ thị trường mở (OMO) để cân đối giữa ổn định tiền tệ và hỗ trợ tăng trưởng.

2.3.1. Điều hành lãi suất chủ đạo

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ động điều hành các loại lãi suất theo mục tiêu của chính sách tiền tệ trong từng giai đoạn, từ năm và từng thời kỳ. Sau giai đoạn giảm mạnh trong năm 2023 - 2024, mặt bằng lãi suất điều hành năm 2025 được NHNN duy trì ổn định, phù hợp với xu hướng phục hồi kinh tế và kiểm soát lạm phát mục tiêu dưới 4%.

Từ tháng 1 đến tháng 12/2025, các mức lãi suất chủ yếu gồm: (1) Lãi suất tái cấp vốn 4,5%/năm; (2) Lãi suất tái chiết khấu 3,0%/năm; (3) Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán liên ngân hàng 6,0%/năm; (4) Lãi suất OMO (nghiệp vụ thị trường mở), dao động 4,2 - 4,5%/năm (NHNN Việt Nam, 2025).

Việc duy trì mặt bằng lãi suất ổn định giúp giữ chi phí vốn hợp lý cho doanh nghiệp, đồng thời hạn chế áp lực tỷ giá và lạm phát nhập khẩu trong bối cảnh các ngân hàng trung ương lớn vẫn theo đuổi chính sách thắt chặt.

2.3.2. Điều hành tỷ giá và thị trường ngoại hối

Trong nhiều năm qua cũng như năm 2025, NHNN tiếp tục áp dụng cơ chế tỷ giá trung tâm linh hoạt, bám sát diễn biến quốc tế, vừa đảm bảo tính cạnh tranh thương mại, vừa hạn chế biến động cực đoan. Từ đầu năm đến tháng 12/2025, tỷ giá trung tâm VND/USD do NHNN công bố tăng khoảng 0,8%, từ 24.200 VND/USD đầu năm lên 24.410 VND/USD cuối tháng 12/2025. Trong khi đó, tỷ giá tại các ngân hàng thương mại (NHTM) dao động quanh 24.300 - 24.590 VND/USD, và tỷ giá thị trường tự do ở mức 24.400 - 24.720 VND/USD

(NHNN Việt Nam, 2025). Dự trữ ngoại hối được củng cố khoảng 110 tỷ USD, tạo dư địa cho NHNN can thiệp thị trường khi cần thiết và duy trì ổn định đồng nội tệ (IMF, 2025).

2.3.3. Tăng trưởng tín dụng và điều hành thanh khoản

Trong nhiều năm qua, ngay từ đầu năm, NHNN công bố chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống ở mức 14 - 15%, năm 2025 cũng duy trì ở mức đó, tuy nhiên theo chỉ đạo của Chính phủ sau đó điều chỉnh lên 16% vào tháng 9/2025 và đã phân bổ hết hạn mức tín dụng cho các NHTM. Tính đến hết tháng 12/2025, tăng trưởng tín dụng đạt gần 19%, cao hơn cùng kỳ 2024 (NHNN Việt Nam, 2025).

2.3.4. Nghiệp vụ thị trường mở (OMO) và thanh khoản

Trong nhiều năm qua cũng như năm 2025, NHNN sử dụng nghiệp vụ thị trường mở (OMO) để điều tiết linh hoạt thanh khoản của các tổ chức tín dụng (TCTD) trong nền kinh tế. Khi thừa vốn, NHNN hút tiền về qua phát hành tín phiếu kỳ hạn 7 - 14 ngày, lãi suất khoảng 4,25%/năm. Khi thiếu vốn, NHNN bơm tiền ra qua kênh repo trái phiếu Chính phủ, với giá trị bơm ròng trung bình 45 - 50 nghìn tỷ đồng/tháng. Nhờ đó, lãi suất liên ngân hàng duy trì ổn định ở mức 3,5 - 4,2%/năm, góp phần ổn định cung - cầu vốn và đảm bảo an toàn thanh khoản hệ thống (NHNN Việt Nam, 2025).

2.4. Xu hướng phát triển và hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam năm 2025

Trong hoạt động ngân hàng, chuyển đổi số và phát triển ngân hàng xanh tiếp tục là hai xu hướng nổi bật của hệ thống tài chính Việt Nam khoảng 10 năm gần đây nói chung và năm 2025 nói riêng. Các NHTM đã tăng cường đầu tư vào hạ tầng công nghệ, mở rộng dịch vụ ngân hàng số, mã QR trên thiết bị di động, ví điện tử và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong chăm sóc khách hàng, thẩm định tín dụng và quản trị rủi ro. Cùng với đó, tín dụng xanh, tài chính bền vững và hỗ trợ doanh nghiệp phát thải thấp được ưu tiên, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xanh và tăng trưởng bền vững của Chính phủ.

Bên cạnh chuyển đổi số, các NHTM Việt Nam đang đẩy mạnh chiến lược phát triển bền vững thông qua việc ứng dụng công nghệ, tối ưu hóa huy động vốn, mở rộng tín dụng an toàn và kiểm soát nợ xấu. Tính đến cuối tháng 10/2025, tổng tiền gửi khách hàng cá nhân toàn hệ thống TCTD tại Việt Nam đạt xấp xỉ 8 triệu tỷ đồng, tăng gần 13% so với cùng kỳ năm 2024, phản ánh mức độ tin cậy cao của người dân gửi tiền vào hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó, tiền gửi của các tổ chức kinh tế và tổ chức khác vào hệ thống ngân hàng đạt 8,35 triệu tỷ đồng, tăng 8,9% so với đầu năm 2025. Dự báo, đến hết năm 2025, tổng tiền gửi của khách hàng tại các TCTD đạt 17,4 triệu tỷ đồng, tăng trên 11% so với cùng kỳ năm trước. Trong bối cảnh diễn biến kinh tế vĩ mô trong năm 2025 nhưng vốn huy động từ khách hàng vào hệ thống ngân hàng vẫn tăng khá là tín hiệu đáng mừng, đây là nguồn vốn chủ lực để các TCTD mở rộng cung ứng vốn tín dụng đối với nền kinh tế (VNBA, 2025).

Về hoạt động tín dụng của hệ thống ngân hàng đối với khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, dư nợ tín dụng và đầu tư của các TCTD đối với toàn nền kinh tế tính đến cuối năm 2025 đạt khoảng 18,9 triệu tỷ đồng, tăng gần 19% so với cuối năm 2024, trong đó nhiều

NHTM ghi nhận mức tăng trưởng cao như Vietcombank, BIDV, MB, VPBank và ACB với tốc độ tăng phổ biến từ 15 - 18%. Tăng trưởng tín dụng cả năm 2025 đạt 19%, đây là mức cao nhất trong hơn 15 năm trở lại đây. Các TCTD tiếp tục định hướng dòng vốn vào các lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu, năng lượng tái tạo và doanh nghiệp nhỏ và vừa. Quy mô dư nợ tín dụng của toàn hệ thống ngân hàng đạt mức cao kỷ lục, khẳng định vai trò then chốt của ngành ngân hàng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vĩ mô (VNBA, 2025).

Song song với mở rộng tín dụng, các TCTD tiếp tục tăng vốn điều lệ và củng cố hệ số an toàn vốn (CAR) nhằm nâng cao năng lực tài chính và đáp ứng chuẩn Basel II, hướng tới Basel III. Trong năm 2025, nhiều NHTM quy mô lớn như Vietcombank, BIDV, SHB, VPBank, HDBank và Techcombank đã trình phương án tăng vốn hàng chục nghìn tỷ đồng. Đến cuối năm 2025 có khoảng 90% NHTM có hệ số CAR trên 10%, đảm bảo an toàn hệ thống và khả năng chống chịu rủi ro trước biến động thị trường (VNBA, 2025).

Đáng chú ý, cuộc đua vốn hóa ngân hàng trong những tháng cuối năm 2025 diễn ra sôi động. Tính đến cuối tháng 12/2025, tổng vốn hóa thị trường của nhóm NHTM cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam đạt khoảng 2,693 triệu tỷ đồng, tăng khoảng 24,42% so với cuối năm 2024 đồng thời phản ánh sự phân hóa sâu sắc giữa các ngân hàng lớn và nhóm ngân hàng quy mô nhỏ. Trong đó, Vietcombank vẫn dẫn đầu với giá trị vốn hóa gần 480,5 nghìn tỷ đồng dù giảm so với đầu năm, VietinBank đạt khoảng 277,7 nghìn tỷ đồng và BIDV vào khoảng 273,1 nghìn tỷ đồng vào cùng thời điểm. Sự gia tăng vốn hóa phản ánh niềm tin của nhà đầu tư và kỳ vọng về triển vọng tăng trưởng lợi nhuận trong trung hạn của các NHTM đang niêm yết cổ phiếu (VNBA, 2025).

Về kết quả kinh doanh, đến hết quý III/2025, lợi nhuận trước thuế của hệ thống ngân hàng đạt mức cao kỷ lục. Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2025 của khối NHTM tăng 12 - 15%, nhờ tín dụng bền vững và đẩy mạnh dịch vụ số. Thu nhập ngoài lãi từ thanh toán, bancassurance, ngoại hối và chứng khoán tăng mạnh, giảm phụ thuộc vào tín dụng truyền thống. Trong đó, Vietcombank đạt khoảng 37.000 tỷ đồng, BIDV và MB vượt 25.000 tỷ đồng, còn Techcombank, ACB và SeABank có mức tăng trưởng lợi nhuận từ 25 - 50% so với cùng kỳ năm 2024. Biên lãi ròng (NIM) tiếp tục được cải thiện nhờ tăng tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn và tối ưu hóa chi phí huy động vốn (VNBA, 2025).

3. Đánh giá điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2025

3.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu kinh tế vĩ mô

Tổng thể, chính sách tiền tệ năm 2025 của Việt Nam được điều hành theo hướng chủ động, thích ứng và thực chứng, đảm bảo cân đối giữa ổn định vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng và an toàn hệ thống tài chính. Sự phối hợp hiệu quả giữa lãi suất, tỷ giá, tín dụng và OMO giúp giữ vững niềm tin vào đồng Việt Nam. Năm 2025, NHNN điều hành chính sách tiền tệ (CSTT) theo hướng nới lỏng có chọn lọc, linh hoạt và hiệu quả, góp phần duy trì tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định hệ thống tài chính - tiền tệ.

Về tăng trưởng kinh tế: CSTT linh hoạt, lãi suất ổn định và thanh khoản dồi dào đã hỗ trợ sản xuất - kinh doanh, giúp GDP tăng 8,02%, cao hơn mức trung bình giai đoạn 2020 - 2024,

phản ánh đà phục hồi bền vững. Tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 19%, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên như sản xuất, xuất khẩu, công nghệ cao và doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Về kiểm soát lạm phát: NHNN điều hành đồng bộ lãi suất, tỷ giá và cung tiền, giữ lạm phát bình quân 3,5 - 3,7%, thấp hơn mục tiêu Quốc hội (< 4,5%). Việc kiểm soát cung tiền và điều phối tín dụng hợp lý giúp hạn chế lạm phát nhập khẩu trong bối cảnh giá năng lượng thế giới biến động.

Về thương mại và tỷ giá: Chính sách tiền tệ được phối hợp hài hòa với chính sách thương mại, giúp tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2025 đạt 930,05 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm trước; trong đó xuất khẩu tăng 17,0%, nhập khẩu tăng 19,4%. Cán cân thương mại hàng hóa duy trì xuất siêu 20,03 tỷ USD, góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nguồn ngoại tệ và củng cố dự trữ ngoại hối quốc gia; tỷ giá VND/USD được điều hành linh hoạt, qua đó giảm rủi ro ngoại hối và củng cố niềm tin vào đồng nội tệ. Về ổn định hệ thống ngân hàng: NHNN tăng cường giám sát an toàn vốn, thúc đẩy chuyển đổi số và tín dụng xanh. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng duy trì dưới 3,5%, trong khi CAR toàn hệ thống đạt trên 10,5%, đảm bảo an toàn và khả năng chống chịu rủi ro.

3.2. Đánh giá về hoạt động ngân hàng

Hệ thống ngân hàng an toàn, tăng trưởng bền vững, CAR trung bình đạt trên 10,5%, nợ xấu dưới 3,3%; hệ thống tiếp tục tái cơ cấu gắn với xử lý nợ xấu. Toàn bộ hệ thống TCTD đẩy mạnh chuyển đổi số và ngân hàng hiện đại. Năm 2025 có sự phát triển mạnh của ngân hàng số, thanh toán không tiền mặt, ví điện tử và ứng dụng AI, Big Data, RPA trong quản trị rủi ro, nâng cao năng suất và trải nghiệm khách hàng.

Nhìn chung, năm 2025 đánh dấu bước phát triển toàn diện của hệ thống ngân hàng Việt Nam: vừa mở rộng quy mô, vừa củng cố nền tảng công nghệ, tài chính và quản trị rủi ro. Hướng đi kết hợp giữa chuyển đổi số, phát triển xanh và quản trị an toàn vốn đang trở thành chiến lược cốt lõi, giúp các ngân hàng tiến tới mục tiêu phát triển bền vững, hiệu quả và hội nhập quốc tế.

3.3. Một số hạn chế và nguyên nhân

Một là, khả năng truyền dẫn CSTT đối với nền kinh tế nói chung và đối với hoạt động ngân hàng nói riêng còn chậm, đặc biệt ở nhóm NHTM quy mô nhỏ. Lãi suất điều hành của NHNN ít tác động vào lãi suất trong nền kinh tế. NHNN duy trì quá lâu công cụ hạn mức tín dụng, mặc dù Thủ tướng Chính phủ nhiều lần có ý kiến về vấn đề này, song NHNN mới bỏ đối với các ngân hàng nước ngoài. Trong nhiều năm qua NHNN không điều chỉnh giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Hoạt động của Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia (CIC) và Bảo hiểm tiền gửi (BHTG) Việt Nam cần tiếp tục được rà soát theo hướng nâng cao hiệu quả vận hành, giảm chi phí tuân thủ cho TCTD và làm rõ hơn vai trò trong bảo đảm an toàn hệ thống.

Hai là, rủi ro nợ xấu tiềm ẩn của các TCTD còn lớn, nhất là từ lĩnh vực bất động sản và tiêu dùng. Tỷ lệ nợ xấu tổng thể nếu kể cả nợ ngoại bảng, nợ đã bán cho VAMC, nợ cấu lại ước tính lên tới gần 10%. Thị trường mua bán nợ còn kém phát triển, vai trò của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam - Vietnam Asset Management Company" (VAMC) cần tiếp tục được củng cố. Cấu trúc tín dụng chưa bền vững, tỷ trọng tín dụng trung - dài hạn cao, gây áp lực thanh khoản.

Ba là, một số NHTM quy mô nhỏ có năng lực tài chính yếu, chưa đạt chuẩn Basel III, chậm tăng vốn điều lệ, tỷ lệ CAR thấp, tỷ lệ nợ xấu cao, lợi nhuận thấp; rủi ro công nghệ và an ninh mạng gia tăng, chất lượng nhân sự hạn chế.

Bốn là, khung pháp lý xử lý nợ và quản trị rủi ro còn bất cập, trong khi năng lực dự báo, phân tích thị trường của một số NHTM chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Nhiều NHTM chưa mạnh dạn đầu tư công nghệ số và ứng dụng AI.

Năm là, một số cơ chế chính sách chậm ban hành theo yêu cầu của thực tiễn. Điển hình là NHNN chậm ban hành quy định về sinh trắc học trong giao dịch thanh toán số của các NHTM trên thiết bị di động, quy định về rút trước hạn một phần tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn. Đến cuối tháng 11/2025, NHNN mới trình Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn chính sách hỗ trợ lãi suất 2% cho doanh nghiệp vay vốn thực hiện dự án xanh, tuần hoàn, áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) thông qua các NHTM.

4. Khuyến nghị giải pháp điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng Việt Nam thời gian tới

Bước sang năm 2026 và một số năm tới đây, nền kinh tế Việt Nam chắc chắn tiếp tục phát triển với tốc độ tăng trưởng GDP cao hơn giai đoạn 2020 - 2025, song cũng đang và sẽ gặp phải những thách thức rất lớn. Những tác động lớn đó là suy giảm tăng trưởng toàn cầu, rủi ro địa chính trị, biến động giá năng lượng và xu hướng chính sách tiền tệ thận trọng ở các nền kinh tế lớn. Trong bối cảnh đó, điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng cần chủ động, linh hoạt, thận trọng, hướng tới ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng hợp lý. Từ các phân tích ở trên, bài viết đề xuất một số khuyến nghị sau:

4.1. Giải pháp về điều hành chính sách tiền tệ

Thứ nhất, điều hành cung tiền và tín dụng linh hoạt, kiểm soát lạm phát dưới 4%. NHNN cần sử dụng hiệu quả OMO, tái cấp vốn và dự trữ bắt buộc để ổn định thanh khoản. Tăng trưởng tín dụng năm 2026 và các năm đến 2030 nên định hướng 17 - 18%, tập trung vào sản xuất, xuất khẩu, công nghệ cao, năng lượng tái tạo và SME; đồng thời kiểm soát chặt tín dụng bất động sản, chứng khoán và tiêu dùng rủi ro.

Thứ hai, điều hành lãi suất linh hoạt, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi. NHNN cần bám sát diễn biến lạm phát, tỷ giá và lãi suất quốc tế để điều chỉnh phù hợp, duy trì mặt bằng lãi suất cho vay ổn định và khuyến khích các gói tín dụng ưu đãi cho lĩnh vực ưu tiên và doanh nghiệp xanh.

Thứ ba, điều hành tỷ giá và ngoại hối chủ động, củng cố niềm tin vào VND. Tỷ giá cần linh hoạt theo tín hiệu thị trường, hạn chế lạm phát nhập khẩu và hỗ trợ xuất khẩu. Dự trữ ngoại hối nên duy trì trên 100 tỷ USD, đồng thời mở rộng thanh toán song phương bằng nội tệ để giảm phụ thuộc USD.

Thứ tư, tăng cường phối hợp với chính sách tài khóa và đầu tư công, nâng cao minh bạch và truyền thông chính sách. Việc cải thiện năng lực dự báo và công bố thông tin kịp thời sẽ củng cố niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư.

Thứ năm, sớm bãi bỏ công cụ hạn mức tín dụng trong năm 2026 và tinh giản bộ máy. Trường hợp chưa thể thực hiện đồng loạt, nên ưu tiên bỏ trước đối với các ngân hàng có

nợ xấu thấp và đáp ứng chuẩn an toàn. Đồng thời rà soát, tinh gọn VAMC, CIC và BHTG để giảm chi phí trung gian, tạo điều kiện hạ lãi suất cho vay.

4.2. Giải pháp về hoạt động ngân hàng

Thứ nhất, nâng cao năng lực tài chính và quản trị rủi ro. Các TCTD cần tăng vốn điều lệ, cải thiện CAR theo Basel III, đa dạng hóa nguồn vốn trung - dài hạn và kiểm soát rủi ro thanh khoản. NHNN cần giám sát chặt phân loại nợ và trích lập dự phòng.

Thứ hai, đẩy mạnh xử lý nợ xấu và hoàn thiện khung pháp lý. Cần phát triển thị trường mua bán nợ thứ cấp, hoàn thiện quy định về tài sản bảo đảm và khuyến khích sáp nhập để nâng cao tính minh bạch hệ thống.

Thứ ba, thúc đẩy chuyển đổi số và ngân hàng xanh. Năm 2026 cần tạo bước tiến rõ nét trong ứng dụng AI, Big Data, Blockchain và điện toán đám mây; đồng thời ưu tiên tín dụng cho các dự án thân thiện môi trường, phù hợp lộ trình Net Zero 2050.

5. Kết luận

Năm 2025 cho thấy chính sách tiền tệ Việt Nam được điều hành theo hướng chủ động, linh hoạt và hiệu quả, góp phần duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát dưới 4%, thúc đẩy tăng trưởng GDP trên 8% và củng cố hệ thống ngân hàng theo hướng an toàn, hiện đại. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa lãi suất, tỷ giá, tín dụng và thanh khoản đã tạo nền tảng ổn định cho nền kinh tế trong bối cảnh nhiều biến động quốc tế. Tuy nhiên, những thách thức về nợ xấu tiềm ẩn, hiệu quả truyền dẫn chính sách và rủi ro công nghệ đòi hỏi NHNN tiếp tục hoàn thiện công cụ điều hành, nâng cao năng lực giám sát và củng cố quản trị hệ thống trong giai đoạn 2026 - 2030.

Tài liệu tham khảo

Cục Thống kê (GSO). (2025). *Các số liệu thống kê về phát triển kinh tế - xã hội hàng tháng và hàng quý trong năm 2025.* www.gso.gov.vn. Truy cập ngày 10 - 12/01/2026.

Federal Reserve. (2025, October 30). *Federal Open Market Committee statement.* Federal Reserve.

IMF. (2025). *World Economic Outlook, October 2025: Balancing stability and growth.* International Monetary Fund.

NHNN Việt Nam (SBV). (2025a). *Báo cáo hoạt động ngân hàng năm 2025, một số định hướng chính năm 2026. bản cứng. Tài liệu họp báo.* Hà Nội: NHNN.

NHNN Việt Nam (SBV). (2025b). *Thông cáo báo chí điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2025.* Hà Nội: bản cứng.

World Bank. (2025). *Vietnam macro monitoring: October 2025.* Washington, DC: World Bank.

Reuters. (2025). Various articles on China GDP, trade tensions and global markets. Retrieved from Reuters database.

VNBA. (2025). *Thông tin hoạt động các tháng trong năm 2025 của các ngân hàng hội viên*. www.vnba.org.vn. Truy cập ngày 12/01/2026.